

QUY ĐỊNH

về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc,
quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ,
đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số Đảng ủy Các cơ quan Đảng thành phố

- Căn cứ Điều lệ Đảng Cộng sản Việt Nam;
- Căn cứ Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia;
- Căn cứ Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư Trung ương Đảng phê duyệt Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng;
- Căn cứ Quy chế làm việc của Ban Chấp hành Đảng bộ Các cơ quan Đảng thành phố;
- Căn cứ Quyết định số 225-QĐ/ĐU, ngày 06/7/2026 của Ban Thường vụ Đảng ủy về việc kiện toàn Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia tại Đảng ủy Các cơ quan Đảng thành phố;

Xét đề nghị của Văn phòng Đảng ủy, Ban Thường vụ Đảng ủy quy định về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn, chế độ làm việc và quan hệ công tác của Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Đảng ủy Các cơ quan Đảng thành phố, như sau:

Chương I

CHỨC NĂNG, NHIỆM VỤ, QUYỀN HẠN

Điều 1. Chức năng

Ban Chỉ đạo phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Đảng ủy Các cơ quan Đảng thành phố (sau đây gọi tắt là Ban Chỉ đạo) chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo thành phố, Ban Chấp hành Đảng bộ Các cơ quan Đảng thành phố, Ban Thường vụ Đảng ủy Các cơ quan Đảng thành phố trong việc lãnh đạo, chỉ đạo, tổ chức thực hiện nhiệm vụ, các giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Đảng bộ Các cơ quan Đảng thành phố.

Điều 2. Nhiệm vụ

1. Nghiên cứu, đề xuất với Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng uỷ xem xét, quyết định chủ trương, định hướng về cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số tại Đảng bộ Các cơ quan Đảng thành phố; rà soát các cơ chế, chính sách, thủ tục hành chính có liên quan đến khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số để kiến nghị, yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xem xét, thực hiện.

2. Chỉ đạo, đôn đốc các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Đảng uỷ hướng dẫn, kiểm tra, giám sát việc triển khai thực hiện các nghị quyết, quy định của Đảng và Nhà nước, thành phố về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Chỉ đạo triển khai thực hiện Kế hoạch của Ban Thường vụ Thành uỷ thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, ngày 22/12/2024 của Bộ Chính trị về đột phá phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số quốc gia (sau đây gọi tắt là Nghị quyết số 57-NQ/TW); Quyết định số 204-QĐ/TW, ngày 29/11/2024 của Ban Bí thư phê duyệt Đề án Chuyển đổi số trong các cơ quan Đảng; Chương trình hành động thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW, Kế hoạch chuyển đổi số hàng năm của Đảng uỷ Các cơ quan Đảng thành phố.

4. Chỉ đạo cấp uỷ và tổ chức đảng trực thuộc Đảng uỷ kiểm tra, xử lý nghiêm các tổ chức đảng, đảng viên có hành vi trì hoãn, cản trở hoặc không thực hiện các nhiệm vụ, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số khi được cấp có thẩm quyền giao hoặc vi phạm trong tổ chức thực hiện, các hành vi lợi dụng tuyên truyền phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số làm phương hại đến lợi ích của quốc gia, thành phố.

5. Chỉ đạo định hướng thông tin tuyên truyền về chủ trương, định hướng, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

6. Tổ chức sơ kết, tổng kết và định kỳ báo cáo Ban Chỉ đạo thành phố, Ban Chấp hành Đảng bộ Các cơ quan Đảng thành phố về tình hình, kết quả công tác khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

Điều 3. Quyền hạn

1. Yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Đảng uỷ, cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền báo cáo về công tác lãnh đạo, chỉ đạo và kết quả thực hiện chủ trương, định hướng, giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

2. Yêu cầu các cấp uỷ, tổ chức đảng trực thuộc Đảng uỷ, cơ quan, tổ chức, đơn vị, người có thẩm quyền kiểm tra, thanh tra việc thực hiện các chủ trương, định hướng, giải pháp về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

3. Kiến nghị với Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét, quyết định hoặc yêu cầu các cơ quan có thẩm quyền xử lý cán bộ, đảng viên có hành vi cản trở, gây khó khăn hoặc không thực hiện các chủ trương, định hướng, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Được thành lập Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo. Thành viên Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo hoạt động kiêm nhiệm; điều kiện làm việc do Cơ quan Thường trực Ban Chỉ đạo bảo đảm.

Điều 4. Nhiệm vụ và quyền hạn của các Ủy viên Ban Chỉ đạo

1. Ủy viên Ban Chỉ đạo thực hiện và chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo và Trưởng Ban Chỉ đạo về những nhiệm vụ được phân công.

2. Chủ động đề xuất, kiến nghị với Ban Chỉ đạo và Trưởng Ban Chỉ đạo về các chủ trương, giải pháp, biện pháp thực hiện công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số một cách hiệu quả, nhất là những chủ trương, giải pháp gắn với lĩnh vực, địa bàn, bộ phận được phân công trực tiếp phụ trách, quản lý.

3. Chịu trách nhiệm cùng với tập thể cấp ủy, tổ chức đảng và tập thể lãnh đạo nơi công tác lãnh đạo thực hiện nghiêm các chủ trương, nghị quyết của Đảng, chính sách, pháp luật của Nhà nước về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số.

4. Các thành viên Ban Chỉ đạo được sử dụng bộ máy của cơ quan, tổ chức do mình quản lý, phụ trách để thực hiện nhiệm vụ được Ban Chỉ đạo phân công.

Điều 5. Nhiệm vụ và quyền hạn của Trưởng Ban Chỉ đạo

1. Lãnh đạo, điều hành hoạt động chung của Ban Chỉ đạo; phân công nhiệm vụ cho các thành viên; chịu trách nhiệm trước Ban Chỉ đạo thành phố, Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy về hoạt động của Ban Chỉ đạo.

2. Chỉ đạo xây dựng và quyết định kế hoạch, chương trình công tác về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của thành phố và các vấn đề khác thuộc phạm vi nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo.

3. Chủ trì, định hướng thảo luận, kết luận các cuộc họp của Ban Chỉ đạo.

4. Trong trường hợp đột xuất không họp Ban Chỉ đạo, Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định và chỉ đạo thực hiện một số công việc cần thiết để đáp ứng yêu cầu công tác, chịu trách nhiệm về quyết định của mình và báo cáo Ban Chỉ đạo tại phiên họp gần nhất.

5. Quyết định việc bổ sung, thay thế thành viên Ban Chỉ đạo theo đề nghị của Thường trực Ban Chỉ đạo.

Điều 6. Nhiệm vụ và quyền hạn của Phó Trưởng ban Ban Chỉ đạo

1. Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo điều phối hoạt động của các thành viên theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo.

2. Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo tổ chức thực hiện các nhiệm vụ được phân công trong Chương trình hành động của Ban Thường vụ Đảng ủy thực hiện Nghị quyết số 57-NQ/TW; trực tiếp chỉ đạo thực hiện nhiệm vụ Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng được quy định tại Quyết định số 204-QĐ/TW của Ban Bí thư.

3. Giúp Trưởng Ban Chỉ đạo chuẩn bị nội dung, chương trình và triệu tập các cuộc họp định kỳ, đột xuất; xử lý công việc thường xuyên; chủ trì một số cuộc họp và ký một số văn bản theo phân công của Trưởng Ban Chỉ đạo.

4. Trực tiếp chỉ đạo thực hiện các nội dung khác theo sự phân công của Ban Chỉ đạo.

Điều 7. Nhiệm vụ và quyền hạn của Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo

Văn phòng Đảng ủy là cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo, có trách nhiệm tham mưu, giúp việc, phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo và Thường trực Ban Chỉ đạo; tham mưu triển khai thực hiện Đề án chuyển đổi số trong các cơ quan đảng. Cơ quan Thường trực có nhiệm vụ, quyền hạn sau:

1. Giúp Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức, triển khai thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo.

2. Phối hợp các cơ quan giúp Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo đôn đốc, kiểm tra, giám sát các cấp uỷ, tổ chức đảng triển khai thực hiện các nhiệm vụ, chương trình, kế hoạch, chỉ đạo của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo. Tham mưu, đề xuất xây dựng kế hoạch hoạt động hằng năm của Ban Chỉ đạo.

3. Chủ trì phối hợp các cơ quan liên quan đề xuất với Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo những chủ trương, định hướng, cơ chế, chính sách, giải pháp phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số tại Đảng bộ; kịp thời đề xuất, tháo gỡ những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện. Được yêu cầu các cơ quan, đơn vị, tổ chức có liên quan phối hợp công tác, cung cấp thông tin và giải quyết các vấn đề trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.

4. Đề xuất Trưởng Ban Chỉ đạo quyết định việc bổ sung, thay thế thành viên Ban Chỉ đạo.

5. Bảo đảm lưu trữ hồ sơ, tài liệu phục vụ hoạt động của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo.

6. Bảo đảm kinh phí, các điều kiện làm việc cho hoạt động của Ban Chỉ đạo, Tổ giúp việc Ban Chỉ đạo (nếu có).

Chương II

NGUYÊN TẮC, CHẾ ĐỘ LÀM VIỆC VÀ QUAN HỆ CÔNG TÁC

Điều 8. Nguyên tắc làm việc

1. Ban Chỉ đạo chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp của Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy.

2. Ban Chỉ đạo làm việc theo nguyên tắc tập trung dân chủ; tập thể thảo luận, Trưởng Ban kết luận và chỉ đạo thực hiện.

3. Ban Chỉ đạo hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; không làm thay chức năng, nhiệm vụ của cơ quan, tổ chức và người có thẩm quyền của các cơ quan, tổ chức trong hệ thống chính trị.

Điều 9. Chế độ làm việc

1. Ban Chỉ đạo làm việc theo chương trình làm việc hằng năm, họp thường kỳ 6 tháng một lần, họp đột xuất khi cần. Căn cứ yêu cầu nhiệm vụ và chỉ đạo của Ban Chỉ đạo thành phố, Thường trực Ban Chỉ đạo tổ chức họp để kịp thời chỉ đạo triển khai bảo đảm tiến độ, hiệu quả.

2. Ban Chỉ đạo thảo luận, quyết định các nội dung công tác trọng tâm, chương trình làm việc và kế hoạch triển khai thực hiện các nhiệm vụ phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số thành phố. Kết luận các phiên họp của Ban Chỉ đạo được thông báo bằng văn bản đến các cơ quan, tổ chức và cá nhân có liên quan để thực hiện.

3. Khi cần thiết Ban Chỉ đạo tổ chức hội nghị chuyên đề về phát triển khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo, chuyển đổi số của Đảng ủy với các cấp ủy, tổ chức đảng trực thuộc Đảng ủy.

4. Các thành viên Ban Chỉ đạo tham dự các cuộc họp của Ban Chỉ đạo, trường hợp không thể dự phải báo cáo và được sự đồng ý của người chủ trì và cho ý kiến bằng văn bản về các vấn đề được xin ý kiến.

Điều 10. Quan hệ công tác

1. Với Ban Chỉ đạo thành phố, Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy: Ban Chỉ đạo chịu sự lãnh đạo, chỉ đạo trực tiếp, toàn diện của Ban Chỉ đạo thành phố, Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy trong thực hiện chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn được giao; định kỳ hằng quý, 6 tháng, 1 năm hoặc khi có yêu cầu, Ban Chỉ đạo báo cáo kết quả hoạt động với Ban Chỉ đạo thành phố, Ban Chấp hành Đảng bộ, Ban Thường vụ Đảng ủy và đề xuất về định hướng công tác trong thời gian tiếp theo.

2. Với các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy, các cấp ủy cơ sở, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Đảng ủy:

Ban Chỉ đạo chỉ đạo, phối hợp, đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc tổ chức thực hiện các chủ trương, định hướng, cơ chế, chính sách, giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Đảng ủy.

Các cơ quan tham mưu, giúp việc của Đảng ủy, các cấp ủy cơ sở, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Đảng ủy chịu sự chỉ đạo, đôn đốc, kiểm tra, giám sát của Ban Chỉ

đạo trong việc tổ chức thực hiện các chủ trương, định hướng, cơ chế, chính sách, giải pháp về khoa học, công nghệ, đổi mới sáng tạo và chuyển đổi số của Đảng ủy; định kỳ, đột xuất báo cáo với Ban Chỉ đạo tình hình, kết quả thực hiện.

3. Trao đổi thông tin cần thiết với các cơ quan, tổ chức liên quan; mời đại diện các cơ quan tham dự các hội nghị, phiên họp, cuộc họp của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo; trực tiếp làm việc với các cấp ủy, cơ quan, tổ chức đảng có liên quan khi thực hiện chức năng, nhiệm vụ của Ban Chỉ đạo, Thường trực Ban Chỉ đạo.

Điều 11. Chế độ báo cáo

1. Định kỳ 6 tháng một lần hoặc khi có yêu cầu, các thành viên Ban Chỉ đạo, các cấp ủy cơ sở, tổ chức chính trị - xã hội trực thuộc, các cơ quan, tổ chức có liên quan báo cáo bằng văn bản với Ban Chỉ đạo và Trưởng Ban Chỉ đạo về kết quả thực hiện nhiệm vụ được phân công. Báo cáo đột xuất theo yêu cầu của Trưởng Ban chỉ đạo.

2. Định kỳ 3 tháng một lần, các cơ quan được Ban Chỉ đạo giao nhiệm vụ báo cáo Ban Chỉ đạo bằng văn bản về việc tổ chức thực hiện các kết luận của Ban Chỉ đạo; tiến độ, kết quả thực hiện các chỉ tiêu cụ thể, các nhiệm vụ, giải pháp và các nội dung có liên quan khác (nếu có).

3. Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo chủ trì phối hợp với các cơ quan, đơn vị liên quan tham mưu cho Ban Chỉ đạo thực hiện chế độ báo cáo với Ban Chỉ đạo thành phố theo quy định.

Điều 12. Con dấu, tài khoản và kinh phí hoạt động

1. Trưởng Ban, Phó Trưởng ban Chỉ đạo sử dụng con dấu của Ban Chấp hành Đảng bộ; các thành viên khác của Ban Chỉ đạo được sử dụng con dấu của cơ quan mình để thực hiện các nhiệm vụ được giao.

2. Cơ quan Thường trực của Ban Chỉ đạo sử dụng con dấu và tài khoản của Văn phòng Đảng ủy để thực hiện nhiệm vụ.

3. Ban Chỉ đạo được đảm bảo kinh phí và các điều kiện hoạt động khác theo quy định.

Chương III ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

Quy định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế cho Quy định số 04A-QĐ/ĐU, ngày 24/12/2025 của Ban Thường vụ Đảng ủy.

Các thành viên Ban Chỉ đạo, các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy, các cấp ủy cơ sở, tổ chức chính trị - xã hội thuộc Đảng ủy và các cơ quan, tổ chức liên quan có trách nhiệm thi hành Quy định này. Trong quá trình thực hiện,

nếu cần điều chỉnh, bổ sung, Ban Chỉ đạo báo cáo Ban Thường vụ Đảng ủy xem xét quyết định.

**T/M BAN THƯỜNG VỤ
PHÓ BÍ THƯ THƯỜNG TRỰC**

Nơi nhận:

- Thường trực Thành ủy (*để báo cáo*);
- Đ/c Đỗ Mạnh Hiến - Phó Bí thư Thường trực Thành ủy, Bí thư Đảng ủy (*để báo cáo*);
- Thường trực Đảng ủy;
- Các đồng chí Ủy viên Ban Thường vụ Đảng ủy, Ủy viên Ban Chấp hành Đảng bộ ;
- Các đồng chí thành viên Ban Chỉ đạo (*để thực hiện*);
- Văn phòng Thành ủy;
- Các cấp ủy cơ sở và các tổ chức chính trị - xã hội thuộc Đảng ủy (*để thực hiện*);
- Các cơ quan chuyên trách tham mưu, giúp việc Đảng ủy (*để thực hiện*);
- Lưu Văn phòng Đảng ủy.

Hoàng Quốc Thương